

Bản án số: 233/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2026
“V/v Ly hôn giữa chị L và anh Đ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mộng Lành và bà Trần Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7- An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 397/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2026 về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 237/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lưu Thị L**, sinh năm 1998

Địa chỉ: Ấp X B (Nay ấp X), xã Đ, tỉnh An Giang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn Đ**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp X B (Nay ấp X), xã Đ, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án, chị Lưu Thị L trình bày như sau:

Chị L và anh Đ chung sống với nhau vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện có tổ chức đám cưới và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N A, huyện

A, tỉnh Kiên Giang (Nay là xã Đ, tỉnh An Giang) vào ngày 15/12/2016 theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian sau thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cự cãi bất hòa, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị L và anh Đ đã sống ly thân khoảng 05 năm, mỗi người đều có cuộc sống riêng, vợ chồng không còn quan tâm tới nhau và hôn nhân không thể hàn gắn. Từ đó chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có hai người con chung tên Huỳnh Thị Hồng T, sinh ngày 27/12/2015 và Huỳnh Phi Đ1, sinh ngày 28/02/2019 hiện con chung sống ở với anh Đ. Khi ly hôn chị L giao hai con chung cho anh Đ nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn anh Huỳnh Văn Đ vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn chị Linh.

Ý kiến trình bày của con chung: Cháu Huỳnh Thị Hồng T và Huỳnh Phi Đ1 có nguyện vọng được sống với cha sau khi cha mẹ ly hôn.

Thu thập chứng cứ: Nguyên đơn cung cấp Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); giấy căn cước (bản công chứng); giấy khai sinh của con chung vợ chồng. Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định, chị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị L được ly hôn với anh Đ; về con chung giao các cháu Huỳnh Thị Hồng T và Huỳnh Phi Đ1 cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng con chung, các đương sự không có yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con

chung nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn xã Đông Thái, tỉnh An Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang.

Quan hệ pháp luật: Chị L yêu cầu ly hôn với anh Đ và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L và anh Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Nay xã Đ, tỉnh An Giang) theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Qua lời trình bày của chị L và quá trình xác minh từ địa phương có cơ sở để xác định đời sống vợ chồng của chị L và anh Đ đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do tính tình không có sự hoà hợp, thường xuyên xảy ra cự cãi bất hòa, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hiện tại chị L và anh Đ đã tự sống ly thân khoảng 05 năm, mỗi người đã tạo dựng được cho mình cuộc sống riêng, hiện tại cả anh Đ và chị L đều đã chung sống với người khác, vợ chồng không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia

đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị L, giải quyết cho chị L ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị L và anh Đ có hai người con chung tên Huỳnh Thị Hồng T, sinh ngày 27/12/2015 và Huỳnh Phi Đ1, sinh ngày 28/02/2019 hiện nay đang sống với anh Đ. Xét thấy sau khi anh chị ly thân con chung sống với anh Đ đã quen với cuộc sống sinh hoạt không có mẹ và hiện nay các con chung đều có nguyện vọng được sống với cha đồng thời chị L cũng không có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, do đó trong quá trình nghị án Hội đồng xét xử thống nhất giao các cháu Huỳnh Thị Hồng T, và Huỳnh Phi Đ1 cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không cấp dưỡng nuôi con, người được giao nuôi dưỡng con chung không thể hiện có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị L xác định không có, các đương sự không ai có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Chị L xác định không có, không ai khác có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị L là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị L.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lưu Thị L và anh Huỳnh Văn Đ.

2. Về con chung:

Giao các cháu Huỳnh Thị Hồng T, sinh ngày 27/12/2015 và Huỳnh Phi Đ1, sinh ngày 28/02/2019 cho anh Huỳnh Văn Đ nuôi dưỡng sau khi chị Lưu Thị L và anh Huỳnh Văn Đ ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lưu Thị L không cấp dưỡng nuôi con, anh Huỳnh Văn Đ được giao nuôi dưỡng con chung không thể hiện có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh, chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Chị Lưu Thị L xác định không có tài sản chung, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Lưu Thị L xác định không có và không ai khác có yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Lưu Thị L có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 002731 ngày 16/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Chị Lưu Thị L đã nộp đủ án phí.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 8 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 7- An Giang;
- Phòng THADS khu vực 7- An Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Thái;
- Lưu, HS, VP.



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thơm